

Lào Cai, ngày 18 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI
NĂM 2016 (Từ 01/6/2016 - 31/12/2016)

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC TỈNH LÀO CAI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5300102876
- Vốn điều lệ: 171.627.100.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 157.620.100.000 đồng
- Địa chỉ: số 037, đường Nguyễn Huệ, P. Lào Cai, TP Lào Cai
- Số điện thoại: 0214 3830 224 - Số fax: 0214 3830 224
- Website: capnuoclaocai.com.vn; capnuoclaocai.vn
- Mã cổ phiếu: LWS

Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai, tiền thân là công ty cấp thoát nước Lào Cai được thành lập tại quyết định số 59/QĐ - UB ngày 18/02/1993 của UBND tỉnh Lào Cai. Đến ngày 24/10/2006 chuyển đổi thành công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch tỉnh Lào Cai theo quyết định số 3020/QĐ-UBND. Từ ngày 01/6/2016 Công ty chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 5300102876 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Lào Cai cấp.

Ngay từ ngày đầu thành lập với 25 CBCNV, cơ sở vật chất còn nhiều thiếu thốn. Ban lãnh đạo cùng cán bộ công nhân viên công ty đã vượt qua khó khăn, xây dựng một số trạm sản xuất nước, chủ yếu là cung cấp nước thô có công suất từ 300 đến 500 m³/ng.đêm, lắp đặt mạng lưới đường ống cung cấp nước cho các cơ quan và Nhân dân trên địa bàn thị xã Lào Cai, phục vụ nhu cầu thiết yếu của thị xã những ngày đầu tái lập tỉnh.

Năm 1994, từ nguồn vốn tài trợ của chính phủ Pháp, hệ thống cấp nước của thị xã Lào Cai được mở rộng, xây dựng một dây truyền xử lý công suất 6.000m³/ ng.đêm theo công nghệ hiện đại. Đến năm 1998, xây dựng thêm một dây truyền công suất 6.000m³/ ng.đêm nâng công suất hệ thống cấp nước Thị xã Lào Cai lên 12.000m³/ng.đêm.

Từ năm 2000 đến nay, ngoài việc tiếp tục nâng công suất của hệ thống cấp nước Thành phố Lào Cai lên 33.000m³/ng.đêm, Công ty đã xây dựng và tiếp nhận bàn giao quản lý khai thác hệ thống cấp nước của 8 trung tâm huyện lỵ (Sa Pa, Bảo Thắng, Văn Bàn, Bảo Yên,

Mường Khương, Bát Xát, Simacai, Bắc Hà) và khu công nghiệp thị trấn Tăng Loàng, mở rộng độ bao phủ cấp nước trên toàn tỉnh với Tổng công suất (thiết kế) là 93.000m³/ng.đêm.,

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.

- Ngành nghề kinh doanh:

	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác, xử lý và cung cấp nước.	3600
2	Lắp đặt, xây dựng các công trình cấp thoát nước.	43221
3	Xây dựng các công trình điện năng có cấp điện áp đến 35kv.	43210
4	Xây dựng công trình dân dụng, giao thông, thủy lợi, công nghiệp, san lấp mặt bằng, làm đường giao thông trong mặt bằng xây dựng.	42990;431
5	Mua bán vật tư thiết bị chuyên ngành xây dựng, cấp thoát nước.	46591
6	Kinh doanh, nhập khẩu hóa chất; Nhập khẩu vật tư máy và thiết bị, phương tiện vận tải, vật tư thiết bị điện tử.	46692
7	Sản xuất nước lọc tinh khiết đóng chai, bình.	11041
8	Tư vấn khảo sát, lập dự án, thiết kế công trình cấp thoát nước.	74100
9	Quản lý dự án, Giám sát thi công các công trình hạ tầng kỹ thuật.	71109
10	Kiểm nghiệm chất lượng nước, dịch vụ kiểm định đồng hồ đo nước lạnh đường kính đến ϕ 25.	71200

- Địa bàn kinh doanh: Khu vực Thành phố Lào Cai và trung tâm 8 huyện lỵ, trung tâm xã Bản Vược - Huyện Bát Xát, khu công nghiệp thị trấn Tăng Loàng.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị:

- **Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ):** là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty theo Điều 22 Điều lệ công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (Điều 23 Điều lệ công ty).

- **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

- **Ban kiểm soát:** Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

- **Ban Tổng giám đốc:** Điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3.2. **Cơ cấu bộ máy quản lý:** Công ty có 6 phòng chuyên môn nghiệp vụ thuộc khối văn phòng; 12 chi nhánh trực thuộc đóng trên các địa bàn 08 huyện, lỵ, thành phố, và Khu công nghiệp.

Danh sách phòng chuyên môn nghiệp vụ và các chi nhánh trực thuộc:

Tên phòng/chi nhánh	Địa chỉ
Các phòng chuyên môn	
1. Phòng Tổ chức hành chính	Văn phòng công ty, đồi 117, P.Lào Cai, TP Lào Cai
2. Phòng Tài chính kế toán;	
3. Phòng Kế hoạch - Đầu tư;	
4. Phòng Kỹ thuật - Vật tư	
5. Phòng thí nghiệm chất lượng nước	
6. Phòng Quản lý kinh doanh	
Các chi nhánh (CN) trực thuộc	
1. CN cấp nước số 1 TP Lào Cai	Số 037, đường Nguyễn Huệ, P Lào Cai, TP Lào Cai
2. CN cấp nước số 2 TP Lào Cai	Số 358, đường Hoàng Quốc Việt, P.Bắc Cường, TP Lào Cai
3. CN cấp nước Huyện Bảo Thắng	Số 203, đường 4E, TTr. Phố Lu, huyện Bảo Thắng
4. CN cấp nước Huyện Bảo Yên	Số 75, đường Ngô Quyền, TTr Phố Ràng, H. Bảo Yên
5. CN cấp nước Huyện Sa Pa	Tổ 11, Thác Bạc, Thị trấn Sa Pa, huyện Sa Pa
6. CN cấp nước Huyện Mường Khương	Số 01 đường Giải phòng 11/11, Thị trấn Mường Khương, huyện Mường Khương
7. CN cấp nước Huyện Bắc Hà	Khu dân cư số 2, Thị trấn Bắc Hà, huyện Bắc Hà
8. CN cấp nước Huyện SiMaCai	Thôn phố cũ, xã SiMaCai, huyện SiMaCai
9. CN cấp nước Huyện Bát Xát	Số 056, đường Hùng Vương, TTr. Bát Xát, H. Bát Xát
10. CN cấp nước Huyện Văn Bàn	Tổ 6, Đ.Điện Biên Phủ, TTr.Khánh Yên, H Văn Bàn.
11. CN cấp nước Khu CN Tầng Loỏng	Tổ 4, đường 151, TTr. Tầng Loỏng, H. Bảo Thắng
12. CN Trung tâm Đồng hồ nước	Đồi Nhạc Sơn, P.Kim Tân, TP. Lào Cai

3.3. Công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ	Số cổ phần	Số vốn thực góp (đồng)	Tỷ lệ vốn góp
Công ty cổ phần xây dựng cấp thoát nước Lào Cai	Số 001 - đường Kim Thành - P. Kim Tân - TP Lào Cai	79.226	792.260.000	51%

Ngành nghề kinh doanh:

1. Lắp đặt hệ thống cấp thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí.
2. Xây dựng các công trình giao thông.
3. Kinh doanh vật tư hàng hóa, dịch vụ mua bán vật liệu.

Sơ đồ bộ máy tổ chức:

Mã ngành

4. Định hướng phát triển.

4.1. Các mục tiêu chủ yếu:

- Công ty tiếp tục duy trì là doanh nghiệp đứng đầu trong lĩnh vực cấp nước của tỉnh.
- Chất lượng sản phẩm và thái độ phục vụ khách hàng được chú trọng hàng đầu.
- Hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả, bảo toàn phát triển vốn góp của cổ đông.
- Nâng cao đời sống của người lao động (NLĐ) trong doanh nghiệp, gắn mục tiêu phát triển của công ty với lợi ích nhà nước, lợi ích các cổ đông.
- Thực hiện công khai minh bạch trong quản lý điều hành.
- Xây dựng đội ngũ NLĐ đoàn kết, năng động, tay nghề cao, nhằm hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được UBND tỉnh giao.
- Mở rộng ngành nghề kinh doanh, nâng cao chất lượng dịch vụ, năng suất lao động và kinh doanh có hiệu quả.

4.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Trên cơ sở quy hoạch tổng thể của UBND tỉnh Lào Cai, Công ty đầu tư các dự án trọng điểm, cải tạo xây dựng mới các nhà máy nước và hệ thống tuyến ống phân phối phù hợp với sự phát triển kinh tế xã hội của tỉnh;
- Thực hiện dự án chống thất thoát theo khu vực, phân đầu giảm tỷ lệ thất thoát đến năm 2018 xuống còn 20%, và xuống 18% vào năm 2020;
- Thực hiện xã hội hóa trong đầu tư lĩnh vực cấp nước, thu hút các nguồn vốn trong và ngoài nước, nâng độ bao phủ cấp nước đô thị đạt 100%.
- Luôn đảm bảo cung cấp nước sạch đạt quy chuẩn Việt Nam QC:01-2009/BYT của Bộ y tế. Xây dựng hệ thống quản lý chất lượng với tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2008;
- Hoàn thiện hệ thống văn bản quản trị nội bộ, thực hiện công tác quy hoạch cán bộ đến 2020.
- Áp dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật - công nghệ - tin học để nâng cao chất lượng công tác quản lý điều hành, đổi mới phương thức phục vụ, thực hiện chiến lược “*coi trọng khách hàng*” để phát triển.

4.3. Các mục tiêu phát triển bền vững.

Vấn đề môi trường và biến đổi khí hậu tiếp tục là các ưu tiên trong mục tiêu phát triển bền vững của Liên Hiệp Quốc mà Việt Nam là một thành viên. Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp nước, Công ty xác định các mục tiêu phát triển bền vững cụ thể là:

- Trách nhiệm bảo vệ môi trường không chỉ dừng lại ở ý thức mà còn là nghĩa vụ tuân thủ theo quy định của pháp luật.
- Thực hiện nộp phí bảo vệ môi trường đầy đủ, kịp thời;
- Có trách nhiệm thực hiện các quyền yêu cầu của tổ chức xã hội, cộng đồng dân cư về môi trường.

Giải pháp thực hiện: Để giải quyết vấn đề về môi trường

- Công ty tăng cường công tác đầu tư công nghệ xử lý nước theo hướng hiện đại hóa.

- Phối hợp với cơ quan, ban, ngành của địa phương, tuyên truyền tới người dân về việc bảo vệ nguồn nước, bảo vệ công trình cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm, khai báo kịp thời với đơn vị cấp nước hoặc cơ quan có thẩm quyền khi phát hiện sự cố công trình, hoặc phát hiện người có hành vi vi phạm công trình cấp nước.

5. Các rủi ro:

5.1. Rủi ro về kinh tế. Hiện nay tình hình kinh tế thế giới tiềm ẩn nhiều yếu tố khó lường, dễ tác động đến nền kinh tế Việt Nam, trong đó có hoạt động SXKD của các doanh nghiệp sử dụng nước sản xuất cũng như các doanh nghiệp dịch vụ sử dụng nước sinh hoạt, dẫn đến ảnh hưởng tới doanh thu của đơn vị cấp nước.

5.2. Rủi ro về luật pháp: Hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện nay thiếu tính ổn định và tính nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành không đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo. Việc áp dụng pháp luật vào thực tế cuộc sống còn nhiều bất cập, tính thực thi không cao, do vậy sẽ ảnh hưởng đến công tác hoạch định chiến lược phát triển dài hạn của công ty.

5.3. Rủi ro đặc thù.

a) **Rủi ro thất thu, thất thoát:** Với tốc độ đô thị hóa cao, một số hệ thống đường ống đầu tư đã lâu, việc thi công các công trình ngầm không đồng bộ dễ dẫn đến gãy vỡ đường ống cấp nước, tình trạng gian lận nước sạch không qua đồng hồ đo đếm cũng góp phần làm tăng tỷ lệ thất thoát nước.

b) **Rủi ro đầu vào sản xuất:** Nước thô phụ thuộc vào sự ổn định trữ lượng nguồn nước và chất lượng nước, hiện nay nguồn nước ngày càng cạn kiệt. Chi phí điện năng chiếm tỷ trọng đáng kể trong giá thành, giá điện có xu hướng ngày càng tăng cao nên ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

c) **Rủi ro giá đầu ra:** Lĩnh vực cấp nước là dịch vụ công cộng chịu sự kiểm soát của Nhà nước, giá nước luôn được quan tâm và điều chỉnh sao cho hài hòa lợi ích giữa doanh nghiệp cấp nước và đối tượng sử dụng nước, Nhà nước ban hành các khung giá nước áp dụng cho từng khu vực. Xong giá nước chưa được điều chỉnh kịp thời dẫn đến hạn chế trong hiệu quả SXKD của doanh nghiệp.

5.4. Rủi ro về môi trường

- Tình trạng ô nhiễm môi trường trong công tác xử lý nước mặt là không thể tránh khỏi, bởi lý do: Khu vực đầu nguồn thường tập trung đông dân cư, nên việc xác định nguyên nhân gây ô nhiễm cho vùng nghiên cứu đó là do rác thải sinh hoạt của con người và rác thải của các hoạt động công nghiệp chưa được thu gom và xử lý đúng cách; còn nhiều hoạt động công nghiệp có xả thải chưa được quản lý chặt chẽ.

- Trong sản xuất nông nghiệp, phân bón làm tăng năng suất cây trồng và chất lượng của sản phẩm, để giảm công sức lao động người dân sử dụng thuốc diệt cỏ, nhưng các cây trồng chỉ sử dụng được khoảng 30 - 40%, lượng dư thừa sẽ vào các dòng nước mặt hoặc nước ngầm, gây ảnh hưởng đến môi trường nước.

5.5. Rủi ro khác: Các rủi ro khác nằm ngoài dự đoán và vượt quá khả năng phòng chống của con người như thiên tai, hỏa hoạn, dịch họa,... là những rủi ro bất khả kháng xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Biểu 01. Kết quả hoạt động SXKD.

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016		Kế hoạch (7 tháng của công ty CP)	Tăng giảm TH/KH (%)
		1/1/2016 - 31/5/2016 (Cty TNHH)	01/6/2016 - 31/12/2016 (Cty cổ phần)		
1. Nước thương phẩm	m ³	6.250.905	10.016.434	9.999.000	0,17
2. Tổng doanh thu	đồng	56.694.762.247	86.855.658.779	86.146.000.000	0,82
- Doanh thu SP nước	đồng	52.438.159.170	85.157.078.435	84.383.000.000	0,92
- Doanh thu xây lắp	đồng	4.156.785.176	1.727.660.836	1.763.000.000	- 0,2
3. Giá vốn hàng bán	đồng	45.058.666.918	67.018.063.705		
- Giá vốn SP nước	đồng	41.041.778.308	65.441.757.209		
- Giá vốn xây lắp	đồng	4.016.888.610	1.576.306.496		
4. Giá bán BQ/m ³ chưa VAT	đồng	8.389	8.502	8.439	0,75
5. Lợi nhuận trước thuế	đồng	4.518.544.001	8.901.061.517	8.055.000.000	10,5
6. Lợi nhuận sau thuế	đồng	3.614.835.201	7.999.836.712	7.250.000.000	10,3
7. Tỷ lệ thất thoát (B.quân)	%	22,5	22%		
8. Tiền lương bình quân	đồng	7.750.000	8.417.000	7.750.000	8,6

a) Các thay đổi, biến động: Chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ 01/6/2016, công ty từng bước hoàn thiện cơ cấu tổ chức, xây dựng hệ thống văn bản quản trị nội bộ phù hợp với mô hình mới và các quy định hiện hành của Nhà nước, thực hiện kế hoạch đào tạo và đào tạo lại cho người lao động có chuyên môn không phù hợp với ngành nghề kinh doanh nhằm phát huy năng lực cá nhân người lao động và sự phát triển của công ty.

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch.

- Doanh thu, tổng sản lượng sản xuất chỉ dừng lại ở mức đạt kế hoạch, trong đó doanh thu xây lắp giảm nhẹ.

- Lợi nhuận tăng so với kế hoạch đề ra 10,5% do tăng cường thực hiện chống thất thu nước bằng biện pháp già soát và điều chỉnh lại mục đích sử dụng nước của khách hàng. Tiền lương bình quân tăng 8,6%.

- Do công ty chuyển sang hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 01/6/2016, nên báo cáo tài chính năm 2015 kéo dài niên độ đến 31/5/2016. Vì vậy 7 tháng cuối năm 2016 Báo cáo tài chính không so sánh với năm trước liền kề.

2. Tổ chức và nhân sự.

2.1. Danh sách Ban điều hành: (Biểu 02)

Họ và tên	Chức vụ hiện nay	Ngày tháng năm sinh	Trình độ CM	Số cổ phần có quyền biểu quyết			
				Tổng số	Trong đó		Tỷ lệ %
					CP cá nhân	Cổ phần nhà nước	
1 Ngô Thanh Phương	Chủ tịch HĐQT	09/2/1961	Kỹ sư xây dựng	15.782.010	20.000	15.762.010	91,96
2 Phạm Hồng Quảng	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	11/12/1970	Kỹ sư xây dựng	13.100	13.100		0,08
3 Phạm Phương Thanh	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	27/12/1965	Cử nhân hành chính	10.000	10.000		0,06
4 Lê Văn Mật	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	17/5/1973	Kỹ sư cấp thoát nước	9.000	9.000		0,05
5 Phạm Thị Hằng	Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	10/8/1967	Cử nhân kinh tế	10.000	10.000		0,06
6 Nguyễn Quốc Huy	Kế toán trưởng	13/11/1972	Cử nhân kinh tế	20.000	20.000		0,12

2.2. Những thay đổi trong ban điều hành: Không

2.3. Số lượng cán bộ, nhân viên.

a) Số lượng Lao động:

Vị trí công việc	ĐVT	Số lao động
1 Lao động trực tiếp SXKD		234
2 Lao động thừa hành, phục vụ		13
3 Lao động chuyên môn nghiệp vụ	Người	61
4 Lao động quản lý		36
5 Thư ký công ty		1
Tổng cộng		341

b) Chính sách đối với người lao động:

- Quỹ tiền lương: Căn cứ quy định hiện hành của Nhà nước, công ty xây dựng quỹ tiền lương của người lao động, được đăng ký với cơ quan thẩm quyền trước khi thực hiện. Việc trả lương căn cứ quy chế trả lương (*xây dựng theo vị trí công việc và đánh giá mức độ hoàn thành của người lao động*), được thông qua ý kiến người lao động và tổ chức công đoàn.

- Tiền thưởng được chi trả cho người lao động căn cứ Quy chế khen thưởng, căn cứ kết quả đánh giá, xếp loại thông qua các đợt phát động thi đua.

- Chế độ tiền lương, thưởng do Tổng giám đốc công ty đề xuất được hội đồng quản trị công ty phê duyệt.

- Thực hiện đóng nộp đầy đủ chế độ bảo hiểm, trang bị bảo hộ lao động và khám sức khỏe định kỳ hàng năm cho người lao động theo quy định của pháp luật.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Năm 2016 công ty tiếp tục hoàn thành các dự án đầu tư chuyên tiếp, triển khai một số dự án mới gồm:

(1) Các dự án hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng, được phê duyệt quyết toán và trình phê duyệt quyết toán:

a) Tiểu hợp phần cấp nước, thoát nước và xử lý nước thải (thuộc Dự án đầu tư CSHT nông thôn tỉnh Lào Cai), Được đầu tư từ năm 2009 bằng nguồn vốn vay của AFD và nguồn vốn đối ứng của tỉnh, đã hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng tháng 8 năm 2015. Đến tháng 10/2016 được cấp thẩm quyền phê duyệt quyết toán với giá trị đầu tư là **33,03** tỷ đồng.

b) Dự án cấp nước tiểu khu đô thị số 4 - Khu đô thị mới Lào Cai Cam Đường: Dự án được đầu tư từ năm 2013, có tổng mức đầu tư (ban đầu) là: **10,564** tỷ đồng, với cơ cấu nguồn vốn ngân sách 50%, vốn tự có của công ty 50%. Dự án hoàn thành năm 2015, trình phê duyệt quyết toán là: **7,65** tỷ đồng.

c) Dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp NMN Cốc San từ 12.000m³/ng.đêm lên 18.000m³/ng.đêm, với TMĐT **35,6** tỷ đồng, đầu tư bằng nguồn vay và nguồn vốn tự có. Khởi công tháng 1/2015. Hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng tháng 10 năm 2015 Dự án hoàn thành trình phê duyệt quyết toán tháng 6/2016 với giá trị **26,4** tỷ đồng.

(2) Dự án thực hiện đầu tư năm 2016

Hợp phần cấp nước - Tiểu Dự án Lào Cai, thuộc dự án nâng cấp các đô thị loại vừa (sử dụng vốn vay WB). Dự án có TMĐT là **126,7** tỷ đồng, bắt đầu thi công từ tháng 4/2016. Khối lượng hoàn thành khoảng 53% giá trị hợp đồng, tương đương **33** tỷ đồng.

3.2. Công ty con:

Tên công ty: **Công ty cổ phần xây dựng cấp thoát nước Lào Cai**

a) Tóm tắt hoạt động: Công ty cổ phần xây dựng cấp thoát nước Lào Cai là công ty con (gọi tắt là công ty), do Công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai nắm giữ **51%** cổ phần, hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ tháng **7 năm 2015**. Do mới chuyển đổi sang mô hình công ty cổ phần và ảnh hưởng của thị trường việc làm, năm 2016 công ty chỉ hoạt động ở mức duy trì đời sống của người lao động. Kết quả kinh doanh 2016 lỗ **137** triệu đồng (do trả lương trong tháng không có việc làm).

b) Tình hình tài chính.

Biểu 03.

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/01/2016 đến 31/5/2016	Từ 01/6/2016 đến 31/12/2016	Tăng, giảm (%)
1	Tổng giá trị tài sản	7.244.571.315	6.315.260.109	
2	Tài sản ngắn hạn	7.217.620.249	6.298.858.839	
3	Tài sản dài hạn	27.131.066	16.401.280	
4	Tổng nguồn vốn	7.244.571.315	6.315.260.109	
5	Nợ phải trả	5.955.085.463	5.162.596.877	
6	Vốn chủ sở hữu	1.289.665.852	1.152.663.232	
Kết quả kinh doanh				
7	Doanh thu thuần	96.445.455	969.674.364	
8	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	- 54.901.443	- 120.833.826	
9	Lợi nhuận khác	- 4.741.871	- 16.168.794	
10	Lợi nhuận trước thuế	- 59.643.314	- 137.002.620	
11	Lợi nhuận sau thuế	- 59.643.314	- 137.002.620	
12	Tỷ lệ trả cổ tức trên vốn			

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính.

Biểu 04.

TT	Chỉ tiêu	Từ 01/01/2016 đến 31/5/2016	Từ 01/6/2016 đến 31/12/2016	Tăng, giảm (%)
1	Tổng giá trị tài sản	297.147.965.320	322.243.866.113	
2	Doanh thu thuần	56.665.600.855	86.885.658.779	
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.396.438.679	8.644.121.686	
4	Lợi nhuận khác	122.105.322	256.939.831	
5	Lợi nhuận trước thuế	4.518.544.001	8.901.061.517	
6	Lợi nhuận sau thuế	3.614.835.201	7.999.836.712	
7	Tỷ lệ trả cổ tức trên vốn	2,72%		

Chú thích: Các chỉ tiêu tài chính tại biểu trên đều nằm trong năm tài chính 2016. Tuy nhiên 5 tháng đầu năm là số liệu của công ty TNHH, 7 tháng cuối năm là số liệu của công ty cổ phần, do đó không thể so sánh chỉ tiêu tăng giảm.

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.

Biểu 05.

Chỉ tiêu	01/01/2016 -31/5/2016	01/06/2016 - 31/12/2016	Ghi chú
1 Khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,27	1,15	
Hệ số thanh toán nhanh	1,22	1,03	
2 Cơ cấu vốn			
Nợ dài hạn / Vốn CSH	0,47	0,6	
Tổng nợ / Tổng tài sản	0,42	0,46	
Tổng nợ / Vốn CSH	0,72	0,86	
3 Năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	19,59	12,34	
Doanh thu thuần / Tổng tài sản	0,19	0,27	
4 Khả năng sinh lợi			
Tỷ lệ lãi gộp	0,081	0,102	
Tỷ lệ lãi từ hoạt động kinh doanh	0,079	0,1	
5 Hiệu quả quản lý			
Tỷ lệ thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	0,02	0,05	
Tỷ lệ thu nhập trên tài sản (ROA)	0,01	0,02	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

Tên cổ phiếu	Mã cổ phiếu	Loại cổ phiếu	Cổ phiếu đang lưu hành		
			Cổ đông Nhà nước	Cổ đông khác	
				Cổ phiếu tự do chuyển nhượng	Cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng
Cổ phiếu công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai	LWS	Phổ thông	15.762.010	585.500	813.200
Cộng			15.762.010	14.007.000	
Tổng cộng			17.162.710		

5.2. Cơ cấu cổ đông:

Đối tượng	Số cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
1. Cổ đông trong nước		17.162.710	171.627.100.000	100
Cổ đông nhà nước (UBND tỉnh Lào Cai)	01	15.762.010	157.762.100.000	91,84
Cổ đông khác	333	1.400.700	14.007.000.000	8,16
2. Cổ đông nước ngoài	0	0		0
Cộng	334	17.162.710	171.627.100.000	100

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Biểu 06.

Nội dung	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Ghi chú
Vốn đầu tư của CSH đầu kỳ	17.162.710	171.627.105.794	
Thay đổi trong năm			
Chào bán ra công chúng			
Chào bán riêng lẻ			
Phát hành cổ phiếu thường			
Trả cổ tức bằng cổ phiếu			
Lợi nhuận chưa phân phối		827.665.862	Chênh lệch tỷ giá
Điều chỉnh giảm vốn		- 5.794	Do không đủ 1 cổ phiếu
Vốn đầu tư của CSH cuối kỳ		172.454.765.862	

Khoản lợi nhuận chưa phân phối 827.665.862 là lợi nhuận từ hoạt động tài chính, chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư ngoại tệ vay ODA của chính phủ Pháp. Khoản lợi nhuận này không được chia hoặc trả cổ tức (Theo quy định tại Khoản 2 Điều 8 Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 21/10/2012 của Bộ Tài chính).

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:

5.5. Các chứng khoán khác:

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

Nguyên vật liệu	ĐVT	Số lượng sử dụng	Ghi chú
1 Clo khí	Kg	20.360	
2 Clo bột	Kg	2.970	
3 Phè PAC	Tấn	44,95	
4 Phèn đơn	Tấn	195,3	
5 Polyme	Kg	500	

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức. (Không)

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp.

Đơn vị sử dụng	Sản lượng (Kwh)	Ghi chú
1. CN cấp nước số 1 TP Lào Cai	2.435.261	
2. CN cấp nước số 2 TP Lào Cai	190.516	
3. CN cấp nước Huyện Bảo Thắng	184.291	
4. CN cấp nước Huyện Bảo Yên	167.717	
5. Chi nhánh cấp nước Huyện Sa Pa	19.524	
6. CN cấp nước Huyện Mường Khương	6.476	
7. CN cấp nước Huyện Bắc Hà	6.814	
8. CN cấp nước Huyện SiMaCai	109.553	
9. CN cấp nước Huyện Bát Xát	6.835	
10. CN cấp nước Huyện Văn Bàn	10.525	
11. CN cấp nước Khu CN Tầng Loòng	288.010	
Cộng	3.413.521	

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng.

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng (từ tháng 6/2016 đến 12/2016)

Đơn vị sử dụng	SL khai thác nước thô (m ³)	Nguồn nước
1. CN cấp nước số 1 TP Lào Cai	7.289.187	Sông nậm thi; suối ngòi đum
2. CN cấp nước số 2 TP Lào Cai	266.758	Suối mỏ đá P.Pom Hán.
3. CN cấp nước Huyện Bảo Thắng	400.183	Sông Hồng; suối Ngòi Lu
4. CN cấp nước Huyện Bảo Yên	323.340	Sông chảy
5. Chi nhánh cấp nước Huyện Sa Pa	1.057.115	Thác Bạc, Suối Hồ, suối hồ 2, suối Nhà pha, suối cửa rừng

6. CN cấp nước Huyện Mường Khương	268.588	Suối Sả Hồ (Sao đỏ)
7. CN cấp nước Huyện Bắc Hà	308.150	Suối Tả Ngải Chồ (Phụ lưu cấp 2 sông chảy)
8. CN cấp nước Huyện SiMaCai	172.460	Nguồn Mạch Lộ, khu TT phố cũ
9. CN cấp nước Huyện Bát Xát	282.479	Suối Bản Vai
10. CN cấp nước Huyện Văn Bàn	350.780	Suối Nậm Đén, Nậm Xóm
11. CN cấp nước Khu CN Tầng Loong	3.227.738	Nguồn Ngòi bo, Suối Trát
Cộng	13.946.778	

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: (không)

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. 0 (không)

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường. 0 (không) đồng.

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động (NLĐ).

a) Số lượng lao động (LĐ), mức lương trung bình đối với người lao động

Tổng số lao động	(LĐ nữ)	(LĐ nam)	Mức lương trung bình
341	108	239	8.143.000

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người NLĐ.

Để đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động, công ty xây dựng các quy định thể hiện trong nội quy, quy chế, thỏa ước lao động tập thể. Mỗi năm tổ chức 01 đợt khám sức khỏe định kỳ cho người lao động, thực hiện chi trả chế độ ăn giữa ca; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động. Hàng năm tổ chức tập huấn an toàn lao động ít nhất 1 lần/năm. Giải quyết đầy đủ chế độ ốm đau, thai sản, nghỉ lễ, phép, trợ cấp khó khăn, thăm hỏi hiếu, hi. Tổ chức thăm quan nghỉ mát cho người lao động. Đặc biệt quan tâm lao động nữ, bố trí công việc phù hợp, tổ chức tọa đàm và tặng quà cho chị em vào dịp các ngày 8/3 và 20/10.

c) Hoạt động đào tạo người lao động.

Đối tượng đào tạo	Nội dung đào tạo	Số người được đào tạo	Số giờ đào tạo TB / năm
1. Đào tạo thường xuyên			
Nhân viên CMNV	Tập huấn về văn bản pháp luật liên quan; chuyên môn nghiệp vụ	25	16
Công nhân kỹ thuật	An toàn lao động	169	8
2. Chương trình phát triển kỹ năng, học tập liên tục			
	Đại học, trên đại học	12	720

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.

Trong năm công ty tham gia hoạt động hỗ trợ “mái ấm tình thương”, ủng hộ xây nhà tình nghĩa, ủng hộ và hỗ trợ nhân đạo từ thiện, ngày vì người nghèo, “chất độc màu da cam”..... thông qua các phong trào do UBMT tổ quốc tỉnh Lào cai, Công đoàn ngành xây dựng Lào Cai, Hội chữ thập đỏ các cấp phát động.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN.

III. Báo cáo kết quả kinh doanh của Ban Tổng giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

a) Phân tích tổng quan: Ngày 01 tháng 6 năm 2016, công ty chính thức đi vào hoạt động theo mô hình của công ty cổ phần. Trên cơ sở số liệu tại báo cáo tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của công ty (được tóm tắt tại **Biểu 01**), và các chỉ tiêu kinh tế đạt được (Theo **Biểu 5**), công ty đã thực hiện hoàn thành và hoàn thành vượt mức so với kế hoạch đề ra. Ban Tổng giám đốc công ty xin được đưa ra một số ý kiến đánh giá như sau.

Chỉ tiêu đạt được so với kế hoạch:

+ Doanh thu tăng nhẹ 0,82%, lợi nhuận tăng 10,5%, giá nước bình quân tăng 0,75%.

+ Các chỉ tiêu kinh tế đạt được cho thấy tình hình quản trị doanh nghiệp tốt, công ty SXKD hiệu quả (tỷ lệ lãi gộp = 10%), bảo toàn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

b) Những tiến bộ công ty đã đạt được.

➤ Lĩnh vực sản xuất và quản lý chất lượng nước.

- Hoạt động sản xuất ổn định và phát triển, công ty đã và đang áp dụng công nghệ tự động hóa vào quản lý và vận hành hệ thống cấp nước.

- Cấp nước an toàn, chất lượng nước đảm bảo quy định của Bộ y tế về nước sinh hoạt theo Quy chuẩn QCVN 01:2009/BYT. Chất lượng nước được giám sát bởi Trung tâm y tế dự phòng tỉnh Lào Cai. Năm 2016 là năm công ty bắt đầu triển khai đầu tư xây dựng phòng thí nghiệm chất lượng nước đạt chuẩn ISO/IEC 17025:2005 theo quy định tại thông tư 50/2015/TT-BYT ngày 11/12/2015 của Bộ Y tế quy định việc kiểm tra vệ sinh chất lượng nước ăn uống, nước sinh hoạt, dự kiến tháng 01/2018 đi vào hoạt động.

➤ Lĩnh vực kinh doanh, tiêu thụ.

- Tăng cường công tác chống thất thoát thông qua việc thay thế các tuyến ống gang, ống thép cũ có hiện tượng rò rỉ do bị ăn mòn và oxi hóa, nâng cấp mở rộng các tuyến ống quá tải bằng ống HDPE. Cải tạo thay thế đồng hồ theo định kỳ theo quy định.

- Tăng cường chống thất thu thông qua việc cấp đổi hợp đồng, thực hiện rà soát, kiểm tra xác định đối tượng, mục đích sử dụng nước của khách hàng. Trên cơ sở đó phát hiện, điều chỉnh, áp giá đúng đối tượng, đúng mục đích sử dụng, góp phần tăng doanh thu, nâng cao hiệu quả công tác quản lý của Ban điều hành.

➤ Công tác quản trị:

- Công ty tiến hành rà soát, xây dựng, sửa đổi bổ sung hệ thống văn bản quản trị nội bộ trên cơ sở văn bản pháp luật hiện hành có liên quan, gắn với tình hình thực tiễn nhằm quản lý chặt chẽ trong công tác tài chính; phân công nhiệm vụ rõ ràng, trên cơ sở đó mỗi bộ phận, cá nhân người lao động nâng cao ý thức, trách nhiệm.

- Từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; xây dựng văn hóa kinh doanh, đề cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh của công ty.

2. Tình hình tài chính.

a) Tình hình tài sản:

Biểu 7. Tình hình tài sản

Tài sản	31/12/2016	01/6/2016	Tỷ lệ tăng, giảm (%)
A TÀI SẢN NGẮN HẠN	51.137.477.064	55.965.667.879	
I Tiền và các khoản tương đương tiền	24.430.064.106	17.871.166.699	
II Đầu tư tài chính ngắn hạn			
III Các khoản phải thu ngắn hạn	19.041.365.503	35.777.444.666	
IV Hàng tồn kho	5.429.151.489	2.299.943.612	
V Tài sản ngắn hạn khác	2.236.625.966	16.812.902	
B TÀI SẢN DÀI HẠN	271.106.389.049	241.182.297.441	
I Các khoản phải thu dài hạn			
II Tài sản cố định	227.025.076.184	240.153.691.941	
1 Tài sản cố định hữu hình	226.979.344.063	240.100.331.941	
2 Tài sản cố định thuê tài chính			
3 Tài sản cố định vô hình	45.732.121	53.360.000	
III Tài sản dở dang dài hạn	42.775.067.550		
IV Đầu tư tài chính dài hạn	587.858.619	792.260.000	
1 Đầu tư vào công ty con	792.260.000	792.260.000	
4 Dự phòng đầu tư tài chính	- 204.401.381		
V Tài sản dài hạn khác	718.386.696	236.345.500	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	322.243.866.113	297.147.965.320	

(Nguồn dữ liệu: BCTC của công ty năm 2016 đã được kiểm toán).

Qua biểu tài sản cho thấy:

(i) Năng lực kinh tế thực sự của tài sản công ty:

- Tài sản ngắn hạn của công ty hiện nay trên thị trường có giá trị kinh tế.

+ Tiền và các khoản tương đương tiền lớn và có số dư bình quân trong năm ổn định. Hệ số thanh toán nhanh = 1,03 cho thấy khả năng chuyển đổi trên thị trường thuận lợi và có dấu hiệu tác động tích cực đến tiềm năng kinh tế của doanh nghiệp trong kỳ kế toán tiếp theo.

+ Đối với các khoản phải thu đến 31/12 là 19, 041 tỷ đồng, gồm: (i) là khoản thu tiền nước của các cơ quan hành chính sự nghiệp và các doanh nghiệp có uy tín, nên đây là khoản

phải thu chắc chắn và thu được ngay trong tháng sau (chiếm 78%/ nợ phải thu). (ii) khoản thu do tạm ứng trước cho người bán (chiếm 13%/nợ phải thu), (iii) phải thu khác từ các đơn vị nội bộ và CBCNV của công ty tạm ứng để thực thi nhiệm vụ SXKD (chiếm 9%/ nợ phải thu). Do đó, khả năng kinh tế của các khoản nợ phải thu là xác thực.

+ Hàng tồn kho của công ty hiện có tính hữu dụng trong sản xuất kinh doanh khoảng 85% và có giá trị kinh tế thực sự trên thị trường. Khoảng 15% là vật tư lạc hậu, rỉ và oxi hóa theo thời gian (ống nước, tê, cút bằng thép...) và một số vật tư nhận lại từ công trường thi công.

+ Tài sản ngắn hạn khác có khả năng thu hồi và là khoản thu chắc chắn (thu bù trừ hoàn thuế VAT đầu vào với VAT đầu ra).

- Đối với tài sản cố định của của công ty hiện có nguyên giá là 405,773 tỷ đồng, hệ số hao mòn = 0,44 (<1) cho thấy TSCĐ của doanh nghiệp được đổi mới, có giá trị hữu dụng và giá trị kinh tế trên thị trường.

(ii) Sự chuyển biến của các khoản mục tài sản.

- Như đã trình bày ở mục a, khoản 1, phần III của báo cáo này. Công ty hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ 1/6/2016, báo cáo tài chính năm 2015 được kéo dài niên độ 17 tháng. Do đó, tại báo cáo này công ty không so sánh với kỳ trước.

- Tuy nhiên với tình hình thực tiễn của công ty đã được các cơ quan thẩm quyền đánh giá hàng năm cho thấy tài sản của công ty luôn được bảo toàn và sử dụng có hiệu quả.

b) Tình hình nợ phải trả.

- Tình hình nợ đến 31/12/2016:

Biểu 8. Nguồn vốn

Chỉ tiêu	31/12/2016	01/6/2016	Tỷ lệ tăng, giảm (%)
C NỢ PHẢI TRẢ	147.366.448.341	124.399.840.530	
Nợ ngắn hạn	44.395.613.558	43.926.735.332	
Nợ dài hạn	102.970.834.783	80.473.105.198	
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	174.877.417.772	172.748.124.790	
Vốn chủ sở hữu	173.171.982.912	171.627.105.794	
Nguồn kinh phí và quỹ khác	1.705.434.860	1.121.018.996	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	322.243.866.113	297.147.965.320	

Nợ dài hạn trong năm tăng mạnh so với thời điểm 01/6/2016 do:

+ Vay dài hạn của UBND tỉnh Lào Cai theo quyết định số 3044/QĐ-UBND ngày 19/9/2016 về việc giao cho công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai quản lý công trình cấp nước trung tâm xã Bản Vược, huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

+ Vay dài hạn theo Hiệp định số 5031-VN vay vốn của Hiệp hội phát triển quốc tế (IDA) của WB, và hợp đồng vay phụ giữa Công ty TNHH một thành viên kinh doanh nước sạch tỉnh Lào Cai (nay là Cty CP cấp nước tỉnh Lào Cai) với Bộ Tài chính (ngày 1/10/2013) để đầu tư xây dựng hợp phần cấp nước thuộc dự án phát triển các đô thị loại vừa - Tiểu dự án Lào Cai.

- Về nợ phải trả xấu: Không có nợ xấu.

- Ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay.

Với khoản vay của chính phủ Pháp (bằng EUR) để đầu tư xây dựng nhà máy nước Lào Cai (Giai đoạn II), công ty áp dụng tỷ giá tính chéo của đồng tiền VNĐ so với EUR tại thời điểm thanh toán theo công bố của ngân hàng nhà nước. Các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả kinh doanh của kỳ kế toán.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Để đạt được kết quả theo trình bày trên, HĐQT và Ban TGD đã có định hướng đúng trong chiến lược SXKD cũng như không ngừng cải tiến hệ thống quản lý, phù hợp với từng thời kỳ phát triển của Công ty.

+ Thành lập mới Phòng Thí nghiệm chất lượng nước, có chức năng kiểm tra đánh giá, giám sát các quy trình lấy mẫu, bảo quản mẫu, phân tích đánh giá chất lượng nước, nhằm đảm bảo chất lượng nước sinh hoạt theo quy định của Bộ y tế.

+ Thành lập Chi nhánh trung tâm đồng hồ nước, có chức năng nhiệm vụ: Kiểm định đồng hồ theo đúng quy định của pháp luật về đo lường gồm: Kiểm định đồng hồ ban đầu, kiểm định định kỳ, kiểm định sau sửa chữa, nhằm đảm bảo quyền lợi của công ty và quyền lợi khách hàng sử dụng nước.

- Công ty đã xây dựng chính sách trên cơ sở văn bản quy phạm pháp luật và tình hình thực tiễn của công ty, áp dụng khoa học kỹ thuật trong SXKD và công tác điều hành, nhằm giúp công tác quản lý công ty được khoa học và nhịp nhàng hơn với phương châm tuân thủ các nguyên tắc cơ bản, linh hoạt trong quá trình thực hiện, xác định rõ trách nhiệm đối với tập thể, cá nhân cụ thể là:

+ Cải tiến công tác điều hành quản trị công ty thông qua việc xây dựng, điều chỉnh, sửa đổi bổ sung quy chế, quy định quản trị nội bộ doanh nghiệp phù hợp với văn bản pháp luật hiện hành và thực tiễn của công ty.

+ Nâng cấp phần mềm quản lý khách hàng và in hóa đơn tiền nước;

+ Thực hiện quản lý văn bản điều hành điện tử;

+ Cải tiến chính sách tiền lương, tiền thưởng của người lao động;

+ Đa dạng hóa việc thanh toán tiền nước không dùng tiền mặt, nâng cao tỷ trọng thanh toán tiền nước qua ngân hàng.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.

- Về sản xuất kinh doanh: Ổn định và phát triển mạng lưới cung cấp nước cũng như thị trường tiêu thụ nước của Công ty; Xây dựng và phát triển thương hiệu LAWASUCO với chiến lược: Luôn luôn đổi mới, nâng cao kỹ năng quản lý; cải tiến dây chuyền sản xuất, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ, để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của khách hàng. Tạo môi trường làm việc thân thiện, năng động và hiệu quả trên nền tảng văn hoá công ty là: trung thực, đoàn

kết và cầu thị. Sử dụng và phát huy có hiệu quả mọi nguồn lực của công ty nhằm tối đa hoá lợi nhuận.

- Về quản lý tài chính: Hoàn thiện năng lực quản lý tài chính Công ty, quản lý các nguồn đầu tư dài hạn, sử dụng các công cụ phân tích, dự báo phục vụ cho công tác hoạch định kinh doanh, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

- Về tổ chức bộ máy hoạt động: Cơ cấu lại bộ máy tổ chức hoạt động tinh gọn, xây dựng đội ngũ cán bộ công nhân viên đoàn kết, thống nhất, tận tâm vì mục tiêu phát triển chung của Công ty. Thực hiện phân công, phân nhiệm rõ ràng tới từng bộ phận, nâng cao tính chủ động và quản lý theo hiệu quả công việc. Xây dựng cơ chế khen thưởng, kỷ luật rõ ràng nhằm mục đích phát huy hết năng lực của cán bộ công nhân viên, thu hút nhân tài và gắn bó người lao động với Công ty.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có).

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và XH của công ty.

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường.

- Với nhận thức bảo vệ môi trường là trách nhiệm của doanh nghiệp, đây là một trong những tiêu chí về phát triển bền vững. Với ngành nghề kinh doanh chính là sản xuất và cung cấp nước sạch, sản phẩm tiêu thụ liên quan trực tiếp đến sức khỏe của người dân, do đó công ty quan tâm hàng đầu đến chất lượng nước, đảm bảo quy định của Bộ Y tế về nước sinh hoạt và ăn uống; công ty đã và đang từng bước áp dụng công nghệ sạch như: Sử dụng chủng loại vật tư đường ống, phụ kiện phù hợp, bền vững ít bị tác động của môi trường. Tăng cường công tác tuyên truyền tới người dân về việc bảo vệ nguồn nước và công trình cấp nước, sử dụng nước tiết kiệm.

- Trong việc sử dụng năng lượng, công ty luôn nâng cao ý thức trách nhiệm, sử dụng tiết kiệm. Lựa chọn áp dụng dây truyền công nghệ hiện đại, tiêu hao ít năng lượng hoặc lựa chọn vị trí nguồn nước tự chảy, hạn chế sử dụng năng lượng.

- Việc xả thải ra môi trường tuân thủ đúng quy định.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

- Công ty thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo đúng quy định Luật Lao động. Công ty xây dựng, ban hành nội quy, quy chế lao động, hàng năm điều chỉnh sửa đổi bổ sung phù hợp, nhằm đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ cho người lao động. Đồng thời tổ chức tập huấn để đảm bảo NLD nắm vững được những nội quy quy định của công ty, thực hiện đúng quy định trong SXKD, mang lại lợi ích cao nhất cho công ty và người lao động.

- Việc chăm lo đời sống ổn định và nâng cao thu nhập cho người lao động luôn được công ty chú trọng. NLD được bố trí đủ việc làm, được giải quyết đầy đủ chế độ chính sách theo Luật lao động và luật khác có liên quan như: Tiền lương, tiền thưởng theo kết quả kinh doanh của công ty và mức độ hoàn thành của NLD, đảm bảo ít nhất bằng mức lương tối thiểu vùng do nhà nước quy định từng thời kỳ; chế độ ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, hỗ trợ khó khăn, đóng nộp BHXH, BHYT, BHTN đầy đủ,....vv. Tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm. Tổ chức tập huấn nâng cao chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề, thăm quan nghỉ mát, tham gia phong

trào văn nghệ, thể thao tạo sân chơi lành mạnh cho người lao động, nhằm tái tạo sức lao động, qua đó nâng cao hiệu quả SXKD của công ty.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của DN đối với cộng đồng địa phương.

Trách nhiệm với cộng đồng của doanh nghiệp là biểu hiện của đạo đức kinh doanh, là việc cụ thể hóa các quy tắc, chuẩn mực của đạo đức kinh doanh thành những hành động thực tế, đóng góp cho cộng đồng và xã hội.

- Trong năm qua công ty tham gia tích cực vào hoạt động từ thiện, nhân đạo, chung tay góp sức hưởng ứng phong trào “xóa đói giảm nghèo”, “mái ấm tình thương”, “mỗi tổ chức, mỗi cá nhân gắn với một địa chỉ nhân đạo”; ủng hộ xây dựng các quỹ hỗ trợ nông dân.....

- Áp dụng giá nước tiêu thụ nhỏ hơn giá thành đối với vùng nông thôn và đồng bào thiếu số và khu dân cư có thu nhập thấp.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.

1. Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của công ty

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ lần đầu ngày 24/5/2016, dưới sự định hướng và giám sát của Hội đồng quản trị, công ty đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông giao.

a) Về sản xuất kinh doanh:

- Công ty đã đảm bảo cấp nước an toàn, đầy đủ đáp ứng nhu cầu sử dụng của các cơ quan và nhân dân trên địa bàn toàn tỉnh. Sản xuất kinh doanh hoàn thành vượt mức kế hoạch đề ra. Lợi nhuận tăng 10,5% so với kế hoạch. Nộp ngân sách vượt chỉ tiêu Nhà nước giao.

- Công tác tài chính, kế toán được thực hiện đúng quy định của pháp luật, bảo toàn và phát triển nguồn vốn.

- Công tác đầu tư mở rộng sản xuất hiệu quả, kịp thời, quản lý theo đúng trình tự xây dựng cơ bản, đảm bảo tiến độ.

b) Công tác tổ chức nhân sự, chính sách đối với người lao động

- Kiện toàn lại bộ máy tổ chức theo đúng phương án cổ phần đã được UBND tỉnh phê duyệt và Đại hội đồng cổ đông lần đầu thông qua.

- Xây dựng mới thang bảng lương và lương đóng bảo hiểm xã hội cho người lao động theo đúng quy định của Nhà nước.

- Đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần, chăm sóc sức khỏe, giải quyết tốt các chế độ chính sách cho người lao động; tạo đủ việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và đảm bảo thu nhập ở mức khá so với mặt bằng chung trong tỉnh.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

Đi đôi với giữ ổn định và phát triển sản xuất kinh doanh, Công ty làm tốt công tác bảo vệ môi trường.

- Trong việc sử dụng năng lượng, công ty luôn nâng cao ý thức trách nhiệm, sử dụng tiết kiệm. Lựa chọn áp dụng dây truyền công nghệ hiện đại, tiêu hao ít năng lượng hoặc lựa chọn vị trí nguồn nước tự chảy, hạn chế sử dụng năng lượng.

- Việc xả thải ra môi trường tuân thủ đúng quy định.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty

- Ban Tổng Giám đốc đã xây dựng Quy chế hoạt động và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên gắn với trách nhiệm và quyền hạn rõ ràng.

- Trên cơ sở Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các chủ trương, nghị quyết của HĐQT, Ban Tổng giám đốc công ty đã tổ chức điều hành tốt mọi hoạt động của Công ty theo kế hoạch đã được Đại hội thông qua và quyết định của HĐQT qua các kỳ họp. Thường xuyên báo cáo, xin ý kiến chỉ đạo về những vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT.

- Các thành viên trong Ban Tổng giám đốc đoàn kết, hoàn thành tốt nhiệm vụ, chức trách theo lĩnh vực được phân công.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Trong năm 2017, HĐQT Công ty xây dựng kế hoạch và định hướng sau:

1. Định hướng doanh nghiệp duy trì ổn định và phát triển, hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2017 được Đại Hội đồng cổ đông thông qua.

2. Tăng cường công tác dự báo, tiếp tục nâng cao năng lực quản trị tài chính, đảm bảo tài chính của Công ty an toàn, hiệu quả.

3. Cải tiến hệ thống quản trị theo hướng tiên tiến để đáp ứng yêu cầu phát triển ngày một lớn mạnh của Công ty.

4. Thực hiện chức năng theo đúng phạm vi, quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị được quy định tại Điều lệ của Công ty và các quy chế, quy định khác.

V. Quản trị công ty. (Tổ chức không phải là tổ chức niêm yết không bắt buộc phải công bố các thông tin tại Mục này).

VI. Báo cáo tài chính.

1. Ý kiến kiểm toán.

“Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của công ty tại ngày 31/12/2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.

(Trích văn bản số 137-17/BC-TC/III-VAE ngày 20/3/2017 của Công ty kiểm toán và định giá Việt Nam về việc Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2016 của công ty cổ phần cấp nước tỉnh Lào Cai).

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.

Toàn văn bản báo cáo tài chính năm 2016 cho kỳ hoạt động từ ngày 01/6/2016 - 31/12/2016 đã được kiểm toán và đăng tải chi tiết tại địa chỉ Website: capnuoclaocai.com.vn.

Nơi nhận

- UBCK Nhà nước;
- Các thành viên HĐQT, BTGD, BKS;
- Lưu VT, HĐQT, Thư ký công ty.

**XÁC NHẬN CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN
THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**



CHỦ TỊCH HĐQT
Ngô Thanh Phương